

**KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
TRẺ 24 - 36 THÁNG TUỔI - NĂM HỌC 2024 - 2025  
( Kèm theo kế hoạch số 212 ngày 06 tháng 9 năm 2024)**

<b>TT</b>	<b>Chủ đề</b>	<b>Chủ đề nhánh</b>	<b>Tuần</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
<b>1</b>	<b>Trường Mầm non - Bé vui đón tết Trung thu- Ngày vui 20/10 (7 tuần)</b>	Trường mầm non	1	Từ ngày 9/9 -13/ 9/2024
		Bé vui đón tết Trung thu	2	Từ ngày 16/ 9 - 20/ 9/2024
		Lớp học của bé	3	Từ ngày 23 / 9 - 27 / 9/2024
		Bé và các bạn	4	Từ ngày 30/ 9 - 4 /10/2024
		Đồ chơi của bé	5	Từ ngày 7 /10 - 11/10 /2024
		Ngày vui của bà, của mẹ 20/10	6	Từ ngày 14/10 - 18/10/2024
		Các cô bác trong trường mầm non	7	Từ ngày 21/10/ - 25/10/2024
<b>2</b>	<b>Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo (5 tuần)</b>	Người thân trong gia đình bé	8,9	Từ ngày 28/ 10/ - 1/11/2024
		Đồ dùng để uống	10	Từ ngày 4/11/ - 8/11/2024
		Đồ dùng để ăn	11	Từ ngày 11/11/ - 15/11/2024
		Vui ngày hội của cô giáo 20/11	12	Từ ngày 18/11/ - 22/11/2024
		Đồ dùng để sinh hoạt	13	Từ ngày 25/11/ - 29/11/2024
<b>3</b>	<b>Những con vật đáng yêu - Vui ngày tết chú bộ đội (6 tuần)</b>	Con vật trong gia đình (Gia cầm)	14	Từ ngày 2/12 / - 6/12/2024
		Con vật trong gia đình (Gia súc)	15	Từ ngày 9/12/ - 13/12/2024
		Bé yêu chú bộ đội	16	Từ ngày 16/12/ - 20/12/2024
		Một số con vật sống dưới nước	17	Từ ngày 23/12/ - 27/12/2024
		Một số con vật sống trong rừng	18	Từ ngày 30/12/ - 3/1 /2025
		Một số loài chim	19	Từ ngày 6 /1 - 10/1/2025

<b>4</b>	<b>Tết mùa xuân và những bông hoa đẹp (7 tuần)</b>	Một số loại quả.	19	Từ ngày 13/1- 17/1 /2025
		Bé vui đón tết Nguyên đán	20	Từ ngày 20/1 - 24/1/2025
		Nghỉ tết và một số hoạt động sau tết		Từ ngày 27/1 - 7/2/2025
		Một số loại cây	21	Từ ngày 10/ 2 - 14/2 /2025
		Một số loại rau ăn lá	22	Từ ngày 17 /2 - 21/2/2025
		Một số loại hoa	23	Từ ngày 24/2- 28/2/2025
		Ngày vui 8/3	24	Từ ngày 3 /3 - 7/3/2025
		Một số loại rau ăn củ	25	Từ ngày 10/ 3 - 14/ 3/2025
<b>6</b>	<b>Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông (4 tuần)</b>	PT và QĐGT đường bộ	26	Từ ngày 17/3 - 21/ 3/2025
		Tín hiệu đèn giao thông	27	Từ ngày 24/3 -28/ 3/2025
		PT và QĐGT đường sắt	28	Từ ngày 31/3 - 4/4/2025
		PT và QĐGT đường thủy	29	Từ ngày 7/4 - 11/4/2025
		PT và QĐGT đường hàng không	30	Từ ngày 14/4 - 18/4 /2025
<b>7</b>	<b>Mùa hè đến- Bé lên mẫu giáo và Mừng sinh nhật Bác (5 tuần)</b>	Thời tiết mùa hè	31	Từ ngày 21/4 - 25/4/2025
		Bé với trang phục mùa hè	32	Từ ngày 28/4 -2/5/2025
		Bé với các hoạt động mùa hè	33	Từ ngày 5/5 - 9/5 /2025
		Bác Hồ của em	34	Từ ngày 12/5 -16/ 5/2025
		Bé lên mẫu giáo	35	Từ ngày 19/5- 23/5/2025
	<b>Tổng</b>		<b>35 tuần</b>	

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE**  
**ĐỘ TUỔI: TRẺ 24-36 THÁNG**  
**NĂM HỌC 2024-2025**

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
<p><b>1. Tổ chức bữa ăn</b></p>	<p><b>a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ.</li> <li>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường</li> <li>- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 600 - 651 Kcal.</li> </ul> <p>+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.</p> <p>+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</p> <p>Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.</p> <p>Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần</p> <p>Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng;</li> <li>- Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn</li> <li>- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Các món ăn của thực đơn không lặp lại</li> </ul>	<p>- Cán bộ quản lý Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh</p>	

trong 2 tuần

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.

**b. Chăm sóc bữa ăn**

*\* Trước khi ăn:*

- Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...

- Cô rửa tay, lau mặt, đeo yếm (Trẻ nhỏ hơn) cho trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn;

- Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ.

- Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu.

*\* Trong khi ăn:*

- Cô đưa cơm tới tận bàn cho trẻ, hỗ trợ trẻ xúc cơm ăn.

- Cho trẻ xúc ăn chưa thạo ngồi riêng nhóm để cô tiện hỗ trợ chăm sóc.

- Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.

- Kiên trì tập cho trẻ quen dần với các loại thực phẩm chế biến ở trường, đặc biệt là đối với những trẻ mới đi học, trẻ bắt đầu chuyển chế độ ăn (từ cháo sang cơm...)

- Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.

- Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.

- Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.

Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ

	<p>chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ</p> <p><i>* Sau khi ăn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghé vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng hoặc súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng.</li> <li>- Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung;</li> <li>- Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.</li> </ul>		
<p><b>2. Tổ chức giấc ngủ</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).</li> <li><i>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</i></li> <li>- Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ.</li> <li>- Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối;</li> <li>- Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông).</li> <li><i>* Trong khi ngủ</i></li> <li>- Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ.</li> <li>- Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác</li> <li><i>* Sau khi thức dậy</i></li> <li>- Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.</li> <li>- Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo viên chủ nhiệm (Bảo mẫu)</li> </ul>	

	dây, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
<b>3. Tổ chức vệ sinh</b>	<p><b>a. Vệ sinh cô:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ</li> <li>- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm</li> </ul> <p><b>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.</li> <li>- Thời điểm có nguy cơ dịch bệnh, mỗi ngày đều phải giặt khăn bằng nước nóng.</li> <li>- Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng).</li> <li>- Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh.</li> <li>- Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết).</li> <li>- Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng.</li> <li>- Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa.</li> </ul> <p><b>c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp</b></p> <p>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ</li> </ul>	Giáo viên và bảo vệ	

chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, dễ cất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho.

- Đối với đồ chơi dùng hằng ngày của trẻ nhà trẻ, rửa bằng nước sạch, phơi khô hoặc sát khuẩn hằng ngày; hàng tuần rửa bằng xà phòng diệt khuẩn, phơi khô.

- Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy;

- Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh.

- Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này.

- Bô đi vệ sinh của trẻ hằng ngày cọ rửa bằng xà phòng, úp khô, phơi nắng. Cuối ngày ngâm bô bằng dung dịch sát khuẩn. Lưu ý: Bô phải rửa ngay sau mỗi lần trẻ đi vệ sinh.

+ Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.

+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo.

+ Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn.

+ Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân.

+ Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ.

+ Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt.

+ Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng.

+ Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh).

+ Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo).

\* *Xử lý rác và nước thải trong nhà trường*

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phải có thùng rác tại các lớp, thùng rác phải đảm bảo có nắp đậy: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định và được xử lý hằng ngày.</li> <li>- Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.</li> <li>- Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.</li> </ul>		
<p><b>4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn</b></p>	<p><b>a. Chăm sóc sức khỏe</b>  <i>* Khám sức khỏe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp.</li> <li>- Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần;</li> </ul> <p>Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe</p> <p><i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024);</li> <li>- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ.</li> </ul> <p><b>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng.</li> <li>- Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (đau mắt đỏ, sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ quản lý</li> <li>- Giáo viên phụ trách nhóm/ lớp</li> <li>- Nhân viên y tế,</li> <li>- Trạm y tế xã,</li> <li>- Phụ huynh</li> </ul>	



	<p><b>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đng hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy</li> <li>- Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%).</li> <li>+ Thuốc hạ sốt.</li> <li>+ OERSOL.</li> <li>+ Thuốc nhỏ mắt trẻ em</li> <li>+ Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương.</li> <li>+ Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao.</li> </ul> </li> </ul> <p>Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc.</p> <p>Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.</p> <p>Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.</p> <p><b>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch bệnh theo mùa cho học sinh.</li> <li>- Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ.</li> <li>- Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.</li> </ul>		
<p><b>5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những tiềm năng của cơ thể trẻ.</li> <li>- Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo</li> </ul>	<p>CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng</p>	

	<p>viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sự phát triển về thể chất</li> <li>+ Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp</li> <li>+ Khả năng nhận thức</li> <li>+ Quan hệ xã hội</li> <li>+ Môi trường phát triển của trẻ</li> </ul> <p>- Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.</p>	đồng	
--	---	------	--

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TRẺ 24-36 THÁNG TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
<b>1. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất</b>	
<i>a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>	
<p><b>1.</b> Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi</p> <p>Trẻ trai: Cân nặng: 11,3kg - 18,3kg Chiều cao: 88,7 - 103,5 cm</p> <p>Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 - 18,1kg Chiều cao: 87,4 - 102,7cm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.</li> <li>- Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ qua biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.</li> <li>- Kiểm tra sức khỏe đầu năm và khám chuyên khoa 01 lần/năm.</li> <li>- Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng.</li> <li>- Tập các bài tập thể dục thường xuyên</li> <li>- Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ.</li> </ul>
<p><b>2.</b> Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- Tên một số món ăn hàng ngày như: cơm, cháo, canh...</li> <li>- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.</li> </ul>
<p><b>3.</b> Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa.</li> </ul>
<p><b>4.</b> Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.</li> </ul>
<p><b>5.</b> Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm ăn, uống nước. + Chuẩn bị chỗ ngủ.</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</li> <li>- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.</li> <li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.</li> </ul>
<p><b>6.</b> Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt; mặc quần áo ấm khi trời lạnh...</li> <li>- <b>GDKNS:</b> Bé tập đi tất, đi dày Tập mặc, cởi quần, áo</li> </ul>

<p>7. Trẻ tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.</p>	<p>- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - <b>GDKNS:</b> Tránh xa một số vật dụng nguy hiểm</p>
<p>8. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm</p>	<p>- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở. - <b>GDKNS:</b> Tránh xa một số hành động nguy hiểm</p>
<p><b>b. Phát triển vận động</b></p>	
<p>9. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân.</p>	<p>- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.</p>
<p>10. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.</p>	<p><b>Tập đi, chạy:</b> - Đi theo hiệu lệnh (đi bước đều một- hai) - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay. - Đi trong đường hẹp- có mang vật trên tay. - Đi bước qua gậy kê cao - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy - Bước lên xuống bậc cao 15 cm có vịn - Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng. - Đứng co 1 chân.</p>
<p>11. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt, ném bóng</p>	<p><b>Tập tung, ném, bắt:</b> - Tung - bắt bóng cùng cô - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây (lưới) - Tung bóng lên cao - Ném bóng vào đích - Ném xa bằng 1 tay - Ném bóng qua dây (lưới) - Ném bóng về phía trước</p>
<p>12. Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể và các giác quan trong khi bò, trườn, chui</p>	<p><b>Tập bò, trườn:</b> - Bò thẳng hướng. - Bò theo đường hẹp. - Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò chui qua cổng.</li> <li>- Bò qua vật cản</li> <li>- Bò theo đường ngoằn ngoèo</li> <li>- Trườn đến đích ( trườn về phía trước)</li> <li>- Trườn qua vật cản</li> <li>- Trườn chui qua cổng</li> </ul>
<p><b>13.</b> Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động nhún – bật: Bật xa về phía trước</p>	<p><b>Tập nhún- bật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật tại chỗ</li> <li>- Bật về phía trước</li> <li>- Bật qua vạch kẻ</li> <li>- Bật qua các vòng</li> <li>- Bật xa bằng 2 chân</li> </ul>
<p><b>14.</b> Trẻ thực hiện vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay, thực hiện “múa khéo”.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rớt, nhào, khuấy, đảo, vò, xé...</li> </ul>
<p><b>15.</b> Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ;</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.</li> <li>- Đóng cọc bàn gỗ</li> <li>- Nhón nhặt đồ vật</li> <li>- Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây</li> <li>- Chắp ghép hình</li> <li>- Chồng, xếp 6 - 8 khối</li> <li>- Tập cầm bút tô, vẽ</li> <li>- Lật mở trang sách...</li> </ul>
<b>2. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức</b>	
<p><b>16.</b> Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</li> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi...đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</li> <li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (Nhẵn) - xù xì.</li> <li>- Ném vị của một số thức ăn, quả (Ngọt - mặn - chua)</li> </ul>
<p><b>17.</b> Trẻ biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm, lớp.</li> </ul> <p><b>NBTN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đồ chơi bé thích: Quả bóng, búp bê, xít đu, cầu trượt...</li> <li>+ Đồ dùng của bé: Cái quần, cái áo, cái váy, đôi giày, đôi dép, cái mũ...</li> <li>+ Bánh Trung thu, đèn ông sao</li> <li>+ Đồ dùng của lớp bé: Đất nặn, sáp màu, cái</li> </ul>

	<p>vòng, cái gậy...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đồ dùng để ăn: Cái bát, cái đĩa, cái thìa ...</li> <li>+ Đồ dùng để uống: Cái ấm, cái chén, cái cốc..</li> <li>+ Một số đồ dùng của lớp mẫu giáo: Quyển sách, cái bút...</li> </ul>
<p><b>18.</b> Trẻ nói được (Tên, tuổi). của bản thân và tên những người gần gũi khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân</li> <li>- Tên và công việc của những thân gần gũi trong gia đình</li> <li>- Tên cô giáo, các bạn, nhóm/lớp</li> </ul> <p><b>NBTN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bé và các bạn: Tên bé, tên các bạn...</li> <li>+ Bé và những người thân: Bố, mẹ, ông, bà, anh, chị, em...</li> <li>+ Lớp học của bé: Bạn trai, bạn gái, tên nhóm/lớp</li> <li>+ Các cô giáo của bé</li> <li>+ Ngày vui của bà, của mẹ 20/10</li> <li>+ Ngày hội của cô giáo 20/11</li> <li>+ Bé vui ngày hội 08/3</li> <li>+ Vui ngày tết chú bộ đội.</li> <li>+ Mừng sinh nhật Bác Hồ</li> </ul>
<p><b>19.</b> Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân...</li> </ul> <p><b>NBTN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số bộ phận trên cơ thể bé: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân...</li> <li>- Khuôn mặt dễ thương...</li> </ul>
<p><b>20.</b> Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.</p>	<p>Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả, đồ vật quen thuộc.</p> <p><b>* NBTN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Động vật nuôi trong gia đình: Con gà, con vịt; con ngan, con ngỗng; con chó, con mèo; con lợn, con trâu, con bò...</li> <li>- Động vật sống dưới nước: Con cá, con tôm, con cua, con ốc...</li> <li>- Động vật sống trong rừng: Con khỉ, con hươu, con voi, con gấu, con sư tử, con hổ...</li> <li>- Một số loại rau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rau muống, rau cải, bắp cải, rau dền...</li> <li>+ Su hào, cà rốt, khoai tây, khoai lang</li> <li>+ Quả bí đỏ, quả bí xanh...</li> </ul> </li> <li>- Những bông hoa đẹp: Hoa hồng, hoa cúc, hoa đào, hoa mai, hoa lay ơn, hoa đồng tiền...</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bánh chưng, bánh tét.</li> <li>- Một số loại quả: Quả cam, quả bưởi, quả na, quả chuối, quả đu đủ, quả hồng xiêm...</li> <li>- Một số đồ vật: Cái giường, cái tủ, cái bàn, cái ghế, cái ti vi, cái tủ lạnh...</li> <li>- Thời tiết, trang phục mùa hè...</li> </ul>
21. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	<p>Màu đỏ, vàng, xanh</p> <p>* <b>NBPB</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồ chơi màu đỏ, màu xanh, màu vàng</li> <li>- Con gà, con vịt màu vàng</li> <li>- Cái bát, cái thìa (màu đỏ - màu xanh)...</li> <li>- Cái bát, cái đĩa (màu đỏ - màu xanh)...</li> <li>- Đồ dùng màu xanh, màu đỏ, màu vàng</li> <li>- Con gà, con vịt (màu xanh - màu vàng)</li> <li>- Hoa màu đỏ, hoa màu vàng</li> <li>- Quần áo màu xanh, màu đỏ (màu vàng)</li> <li>- Bóng màu đỏ, bóng màu vàng (màu xanh)...</li> </ul> <p>* <b>HDVDV</b>: Xâu vòng màu đỏ, màu xanh, màu vàng...</p>
22. Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông	<p>Chỉ, nói tên được hình tròn, hình vuông</p> <p>* <b>NBPB</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình tròn, hình vuông</li> </ul>
23. Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	<p>Kích thước (To - nhỏ)</p> <p>* <b>NBPB</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bát, đĩa (to - nhỏ)</li> <li>- Bát, thìa (to - nhỏ)</li> <li>- Bóng to - bóng nhỏ</li> <li>- Quả to - quả nhỏ</li> <li>- Cá to - cá nhỏ</li> <li>- Đồ chơi to - đồ chơi nhỏ</li> <li>- Lá to - lá nhỏ</li> <li>- Bày quả to, quả nhỏ ra đĩa...</li> </ul>
24. Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc	<p>Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi</p> <p>* <b>NBTN</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp, xe máy, xe ô tô, xe xích lô...</li> <li>- Phương tiện giao thông đường hàng không, đường sắt: Máy bay, tàu hỏa...</li> <li>- Phương tiện giao thông đường thủy: Thuyền buồm, tàu thủy, ca nô...</li> </ul> <p>* <b>NBPB</b>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe 2 bánh, xe 4 bánh</li> <li>- Đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng</li> </ul>
25. Trẻ xác định được số lượng, vị	<p>Vị trí trong không gian (Trên - dưới, trước -</p>

trí trong không gian	<p>sau) so với bản thân trẻ</p> <p>* <b>NBPB:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phía trên, phía dưới của bản thân trẻ.</li> <li>- Phía trước, phía sau của bản thân trẻ.</li> <li>- Số lượng một - nhiều...</li> </ul>
<b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>	
26. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
27. Trẻ trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (Ví dụ: Con gà gáy thế nào? ...)	<p>- Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào?</p> <p>- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì?, Làm gì?, Ở đâu? Thế nào?, Để làm gì?, Tại sao?...</p>
28. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	<p>Nghe truyện ngắn; kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý</p> <p><b>Chủ đề: Trường mầm non - Bé vui Tết Trung thu –Ngày vui 20/10</b></p> <p>Vệ sinh buổi sáng (Vân Nhi). Đôi bạn nhỏ (Hoàng Anh). Bé làm được việc gì (Suu tầm). Em bé dũng cảm (Suu tầm). Bài học đầu tiên của gấu con (Phỏng theo Lê Bạch Tuyết); Sự tích Tết Trung thu, Giờ ăn của bé... Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên). Đôi bạn chó mèo...</p> <p><b>Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11</b></p> <p>Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo). Khỉ con ăn chuối (Vân Nhi). Cả nhà ăn dưa hấu (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng); Bé Mai ở nhà (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng). Anh em nhà thỏ (Hoàng Thị Minh Khanh). Thỏ dọn nhà (Kim Chi). Thỏ ngoan (Hoàng Oanh sưu tầm). Chú gấu con ngoan...</p> <p><b>Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22/12</b></p> <p>Khỉ con biết vâng lời (Vân Nhi). Quả trứng (Nguyễn Thái Duy). Mèo con nhút nhát. Con cáo (Nguyễn Duy Thái). Sẻ con (Ngô Quân Miện). Cá và chim (Nguyễn Thị Thảo). Anh bộ đội và lũ trẻ. Cô vịt tốt bụng. Cá rô ron lên bờ. Chiếc đu màu đỏ. ...</p> <p><b>Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp</b></p> <p>- Bé Mai đi chợ Tết (Chế Thùy Như). Chiếc áo</p>



	<p>mùa xuân. Cả nhà đón Tết. Mùa Xuân đã về...  <b>Chủ đề: Rau, củ, quả bé thích- Vui ngày hội 8/3</b>  - Cây táo (Chê Thùy Như); Quả thị (Nguyễn Thái Duy); Thỏ con ăn gì (Hồ Lam Hồng)...  Cô và các bạn xem hoa (Sưu tầm)...  <b>Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông</b>  Câu chuyện chuyến xe ủi (Lương Thị Bình).  Chuyến du lịch của chú gà trống choai (Lương Thị Bình). Vì sao thỏ cụt đuôi. Tàu thủy ti hon.  Bé Mai đi chơi công viên. Ô tô con học bài...  <b>Chủ đề: Mùa hè đến - Bé lên mẫu giáo- Ngày sinh nhật Bác 19/5</b>  Cóc gọi trời mưa (Nguyễn Thị Thảo). Giọt nước tí xíu (Nguyễn Văn Linh). Mẹ tắm cho bé (Sưu tầm) ...  Một ngày bé đến trường. Chiếc ô tô của thỏ trắng. Mèo con nhút nhát...</p>
<p><b>29.</b> Trẻ phát âm rõ tiếng</p>	<p>- Phát âm các âm khác nhau  - Nói rõ các tiếng</p>
<p><b>30.</b> Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.</p>	<p>- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố  - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng  <b>Chủ đề: Trường mầm non - Bé vui đón tết Trung thu – Ngày vui 20/10</b>  Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương). Miệng xinh (Phạm Hồ). Bạn mới (Nguyệt Mai). Đi học ngoan. Giúp bạn (Sưu tầm). Giờ ăn (Sưu tầm). Đến lớp (Xuân Hoài). Vườn trẻ (Nhược Thủy). Bàn tay cô giáo (Định Hải). Đi học (Nguyễn Văn Chương). Thỏ con và mặt trăng (Phạm Hồ). Trăng (Trần Đăng Khoa)...  Đi dép (Phạm Hồ). Chia đồ chơi. Khăn đẹp. Giường. Cửa sổ riêng của bé.....  <b>Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11</b>  Chối ngoan (Sưu tầm). Nụ cười của bé (Tô Thị Hiền). Cháu chào ông ạ (Nguyễn Thị Thảo). Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan). Yêu mẹ (Nguyễn Bảo). Ấm và cháo (Sưu tầm). Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn). Mẹ ru con ngủ (Sưu tầm). Dỗ em (Thùy Dung). Bà và cháu (Phạm Thị Thọ). Bó hoa tặng cô (Sưu tầm)...</p>

**Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22.12**

Con cá vàng (Suu tâm). Tìm ổ (Võ Quảng). Con trâu (Võ Quảng). Đàn bò (Trần Thanh Dịch). Con voi (Phạm Hồ). Gà gáy (Phạm Hồ). Con cua (Trần Mạnh Hào). Ong và bướm (Nhược Thủy). Rong và cá (Phạm Hồ). Gọi nhé (Suu tâm). Chú gà con (Phạm Hồ). Đàn vịt (Hoàng Thị Minh Khanh). Chú bộ đội (Suu tâm). Mèo con. Em là bộ đội. Chú bộ đội của em. Thỏ trắng. Đàn lợn con. Con rùa...

**Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp**

Đi chợ tết (Suu tâm). Mùa xuân (Tú Mỡ). Cây đào. Mưa xuân (Suu tâm). Tết và bạn nhỏ (Phan Trọng Bảo Viên). Cây đào (Xuân Tửu)....

Hoa nở (Thu Hà). Hoa sen (Nguyễn Mai Chi).

**Chủ đề: Rau, củ, quả bé thích – Ngày vui 8/3**

Chăm rau (Suu tâm). Hoa kết trái (Thu Hà). Cây bắp cải (Phạm Hồ). Quả thị (Thanh Thảo). Củ cà rốt. Chuối...

Dán hoa tặng mẹ (Hoàng Long). Cây dây leo (Xuân Tửu). ...

**Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông**

Xe đạp (Phương Nam). Con tàu. Đèn xanh, đèn đỏ (Định Hải). Đi chơi phố. Thuyền ngủ bãi (Triệu Thị Lê). Chiếc máy bay. Tiếng còi tàu. Bé nằm mơ. Xe chữa cháy... Cô giáo em. Quà 08.3...

**Chủ đề: Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Ngày sinh nhật Bác 19/5**

- Cầu vồng (Nhược Thủy). Mưa (Lê Lâm). Trưa hè. Bóng mây (Thanh Hào). Trăng sáng (Nhược Thủy). Nắng bốn mùa. Che mưa cho bạn. Tiết kiệm nước. Sao lấp lánh. Cặp song ca mùa hè. Tia nắng...

- Bé lên mẫu giáo. Bác Hồ của em. Khăn nhỏ. Bé tập nói....

**\* Ca dao, đồng dao**

- Chi chi chành chành.  
- Nu na nu nống.  
- Dung dăng dung dẻ.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi cầu đi quán.</li> <li>- Kéo cửa lùa xẻ.</li> <li>- Lộn cầu vòng.</li> </ul>
<b>31.</b> Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.
<b>32.</b> Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.	<p>Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào hỏi, trò chuyện.</li> <li>- Bày tỏ nhu cầu của bản thân.</li> <li>- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây?...</li> </ul>
<b>33.</b> Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
<b>34.</b> Trẻ làm quen với sách	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe người lớn đọc sách</li> <li>- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh</li> </ul>
<b>4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b>	
<b>35.</b> Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
<b>36.</b> Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
<b>37.</b> Trẻ nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận, sợ hãi.
<b>38.</b> Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi
<b>39.</b> Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “Dạ”, “Vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không đánh bạn...
<b>40.</b> Trẻ thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi
<b>41.</b> Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
<b>42.</b> Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.</li> <li>- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.</li> </ul>
<b>43.</b> Trẻ biết hát và vận động đơn	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác

giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.

nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ

- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc  
**Chủ đề: Trường Mầm non - Bé vui Tết trung thu- Ngày vui 8/3**

+ Hát, vận động: Cô và mẹ. Lời chào buổi sáng (Hồng Ngọc). Em búp bê (Xuân Thọ). Bóng tròn (Vũ Thanh). Đi nhà trẻ. Đi học về (Hoàng Long, Hoàng Lân). Cùng đi về lớp. Rước đèn...

+ Nghe hát: Trường chúng cháu là trường mầm non. Em đi mẫu giáo. Em yêu cô giáo. Chim mẹ chim con; Đồ dùng bé yêu; Đồ chơi của bé. Dọn đồ chơi. Đu quay, gác trăng...

**Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11**

+ Hát, vận động: Bé ngoan. Hoa tặng mẹ. Đôi dép. Chiếc khăn tay (Văn Tấn)...

Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ). Biết vâng lời mẹ. Quà tặng mẹ. Cháu yêu bà (Xuân Giao). Đi ngủ. Giấu tay. Xòe bàn tay...

+ Nghe hát: Chiếc khăn tay; Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn). Cả nhà thương nhau. Em yêu cô giáo (Bùi Anh Tôn). Biết vâng lời mẹ (Minh Khang). Bé quét nhà. Ru em. Cho con. Tổ ấm...

**Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22/12**

+ Hát, vận động: Con gà trống (Tân Huyền). Éch ộp (Văn Chung). Là con mèo (Mộng Lân). Gà trống mèo con và cún con (Thế Vinh). Một con vịt; Đàn vịt con. Phi ngựa (Mộng Lợi Chung). Con cò cánh trắng. Đi một hai

+ Nghe hát: Chim chích bông (Văn Dung). Trời nắng trời mưa (Đặng Nhật Mai). Cá vàng bơi. Con chim vành khuyên. Voi làm xiếc. Cò lả. Gà gáy le te. Cháu thương chú bộ đội...

**Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp**

+ Nghe hát: Chúc xuân. Ngày tết quê em, Mùa xuân ơi. Em thêm một tuổi...

Màu hoa. Lý cây bông ( Dân ca nam bộ). Hoa trong vườn (Dân ca Thanh Hóa).

+ Hát, vận động: Bé chúc tết, Mùa xuân đến rồi, Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân)...

**Chủ đề: Rau, củ, quả bé thích – Vui ngày**

	<p><b>hội 8/3</b></p> <p>+ Hát, vận động: Cây bắp cải (Thu Hồng). Quả (Xanh Xanh).</p> <p>+ Nghe hát: Hoa kết trái. Vườn cây của ba. Bàu và bí...</p> <p>+ Hát, vận động: Hái hoa (Bùi Anh Tôn). Bé và hoa (Thu Hiền). Quà 08/3. Hoa bé ngoan. Như những cánh hoa</p> <p>+ Nghe hát: Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ). Lý cây đa (Dân ca quan họ Bắc Ninh). Ra vườn hoa em chơi.</p> <p>Nhớ lời cô dặn. Bạn ơi có biết... Em là bông hồng nhỏ. Ngày vui 08/3. Hoa trường em...</p> <p><b>Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông</b></p> <p>+ Hát, vận động: Lái ô tô (Đoàn Phi). Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý). Tàu hỏa (Bùi Anh Tôn). Đèn xanh, đèn đỏ (Bùi Anh Tôn). Đoàn tàu nhỏ xíu...</p> <p>+ Nghe hát: Em đi chơi thuyền (Mộng Lân). Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến). Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, lời thơ Xuân Quỳnh). ....</p> <p><b>Chủ đề: Mùa hè - Bé lên mẫu giáo- Ngày sinh nhật Bác 19/5</b></p> <p>+ Hát, vận động: Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung). Đếm sao.</p> <p>+ Nghe hát: Ánh trăng hòa bình. Cho tôi đi làm mưa với. Nắng sớm. Mưa rơi. Bé và ông mặt trời. Cháu vẽ ông mặt trời. Hè đến...</p> <p>+ Hát, vận động: Bé đi mẫu giáo. Nhớ ơn Bác. Cùng múa vui...</p> <p>+ Nghe hát: Lại đây múa hát cùng cô (Bùi Anh Tôn). Ru con (Dân ca Nam Bộ). Ai yêu nhi đồng. Béo dạt mây trời...</p>
<p><b>44.</b> Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình, xem tranh (Cầm bút đi màu, vẽ nguệch ngoạc).</p>	<p>- Vẽ các đường nét khác nhau, đi màu, nặn, xé, vò, xếp hình</p> <p><b>Chủ đề: Trường mầm non - Bé vui Tết Trung thu –Ngày vui 20/10</b></p> <p>* <b>HDVDV:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp đường đi đến trường</li> <li>- Xếp cổng trường</li> <li>- Tháo lắp vòng</li> <li>- Xếp giường cho búp bê</li> </ul>

**\* Tạo hình:**

- Làm quen với cách cầm bút
- Tô màu trống lắc
- Di màu quả bóng
- Chơi với đất nặn
- Tô màu chiếc cốc
- Tô màu chiếc yếm
- Tô màu bong bóng
- Nặn đôi đũa.

**Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày hội của cô giáo 20/11**

**\* HDVDV:**

- Xếp nhà cho bé
- Xếp cái bàn, cái ghế

**\* Tạo hình:**

- Vẽ hoa tặng cô giáo
- Tô màu bánh ga tô
- Tô màu đường về nhà
- Tô màu chiếc áo của mẹ
- Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng
- Nặn bánh hình tròn.
- Dán cái bát
- Dán quả trứng
- Dán ảnh người thân trong gia đình.

**Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Vui ngày tết chú bộ đội 22/12**

**\* HDVDV:**

- Xếp ao nuôi tôm, cá
- Xếp chuồng cho các con vật nuôi
- Xếp chuồng thú

**\* Tạo hình:**

- Tô màu con cá heo
- Tô màu con voi
- Tô màu con vật sống trong rừng, dưới nước, con vật nuôi trong gia đình.
- Nặn thức ăn cho các con vật
- Nặn con giun.

- Tô màu mũ sao vàng

**Chủ đề: Tết và mùa xuân - những bông hoa đẹp**

**\* HDVDV:**

- Xếp mâm quả ngày Tết
- Bày bánh chưng, bánh tét ra đĩa
- Xếp bệ đặt bình hoa

**\* Tạo hình:**

- Tô màu bánh chưng
- Vẽ mưa mùa xuân
- Tô màu hoa đào
- Dán hoa mùa xuân
- Tô màu hoa hồng.
- Nặn cánh hoa

**Chủ đề : Rau, củ, quả bé thích- Vui ngày hội 8/3**

**\* HDVDV:**

- Bày quả ra đĩa
- Nhặt rau
- Xếp bệ đặt cây

**\* Tạo hình:**

- Tô màu quả táo
- Tô màu củ cà rốt
- Tô màu cây bắp cải
- Nặn quả
- Tô màu cây xanh.
- Nặn cái lá
- Dán lá cho cành hoa.
- Dán hoa tặng mẹ ( bà, cô..)

**Chủ đề: Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện giao thông**

**\* HDVDV:**

- Xếp đường đi
- Xếp tàu hỏa
- Xếp ô tô
- Xếp cái thuyền
- Xếp tàu thủy

**\* Tạo hình:**

- Tô màu ô tô
- Tô màu mũ bảo hiểm.
- Tô màu thuyền buồm
- Nặn bánh xe
- Dán đèn tín hiệu giao thông

**Chủ đề :Mùa hè - Bé lên mẫu giáo – Ngày sinh nhật Bác 19/5**

**\* HDVDV:**

- Xếp bể bơi
- Xếp áo quần cho bé (Xen kẽ áo, quần)
- Xếp hình tháp chóp
- Xếp lăng Bác

**\* Tạo hình:**

- Tô màu chiếc ô
- Vẽ các tia nắng

- |  |   |
|--|---|
|  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Tô màu trang phục bé</li><li>- Nặn chiếc phao bơi</li><li>- Tô màu cái bảng.</li><li>- Tô màu quyển sách.</li><li>- Tô màu bánh ga tô</li></ul> |
|--|---|